

Bản án số: 103/2023/DS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, bồi thường thiệt hại và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Ngân và ông Trần Minh Tâm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Phan Ý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 156/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

1.2. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Tổ 30, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

1.3. Ông Võ Văn L, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ 30, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

1.4. Ông Võ Văn L1, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho các ông, bà: Võ Văn L, Võ Văn Đ, Võ Văn L1 là ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1963 (các văn bản ủy quyền vào các ngày 06/3/2019, ngày 11/3/2019)

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

2.2. Ông Lê Hoàng Trường S, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Tổ C, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T là ông Lê Trường S1, sinh năm 1975, (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019)

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Minh T1, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Số nhà D, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện A;

Địa chỉ trụ sở: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N1 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A.

(Tại phiên tòa, có mặt các ông: Huỳnh Văn N, Lê Minh T, Lê Hoàng Trường S2, Lê Trường S1 và Lê Minh T1; vắng mặt các đương sự còn lại).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai các nguyên đơn, tại biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Vào năm 1997, ông Đ có nhận chuyển nhượng của ông Lê Phước C phần đất 4.083,60m², sau khi nhận chuyển nhượng phần đất này tôi bỏ công sức ra khai phá thêm đất hoang hóa do ông bà để lại và canh tác.

Ông Đ canh tác đến năm 2006 thì ông Lê Phước C khởi kiện tại Tòa án huyện An Phú yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi tiến hành đo đạc thì phần diện tích đất lúc này là khoảng 10.000m². Tại các bản án sơ thẩm và phúc thẩm năm 2007 tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Buộc ông Đ trả lại cho ông C diện tích đất 4.083,60m². bản án có hiệu lực đã thi hành án xong là ông phải trả lại diện tích đất 4.083,60m² cho ông C. Phần diện tích đất còn lại khoảng 5.500m² là của ông nên được tiếp tục canh tác. Năm 2011 thì ông Lê Minh T, ông Lê Hoàng Trường S và ông Lê Minh T1 vào ngăn cản và cho rằng đất này là của gia đình ông T2 – ông T1 và đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cho ông tiếp tục canh tác nhằm chiếm đất. Không chấp nhận hành vi chiếm đất bất hợp pháp của ông Lê Minh T, ông Lê Hoàng Trường S và ông Lê Minh t. Sự việc xảy ra tranh chấp được Ủy ban nhân dân xã V, huyện A tiến hành hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ông Võ Văn Đ yêu cầu buộc ông T và ông S phải trả lại 5.500m² đất và bồi thường thiệt hại mỗi vụ lúa là 25 gia công tính từ vụ đông xuân 2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm;

Đến ngày 09/12/2021, ông Võ Văn Đ khởi kiện trình bày bổ sung yêu cầu các vấn đề sau:

Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 trả lại phần diện tích đất nông nghiệp với diện tích khoảng 5.500m². Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp với diện tích khoảng 5.500m² mà ông đã bỏ sức khai phá và sử dụng theo quy định của pháp luật. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01217pL cấp ngày 03/12/2008 có diện tích 18.181m² mang tên Lê Minh T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940 cấp ngày 17/11/1994 có diện tích 29.806m² mang tên Lê Minh T1.

Nguyên đơn ông Võ Văn L1 trình bày:

Năm 1997, ông L1 có nhận chuyển nhượng của ông Lê Phước C phần đất 3.774,20m², sau khi nhận chuyển nhượng phần đất này ông bỏ công sức ra khai phá thêm đất hoang hóa để canh tác.

Ông canh tác phần đất đến năm 2006 thì ông Lê Phước C khởi kiện tại Tòa án huyện An Phú yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi tiến hành đo đạc thì diện tích đất thực tế là 6.000m². Tại các bản án sơ thẩm và phúc thẩm năm 2007 Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Buộc tôi trả lại cho ông C diện tích đất 3.774,20m². bản án có hiệu lực được thi hành án xong ông đã trả lại diện tích đất 3.774,20m cho ông C. Phần diện tích đất còn lại khoảng 2.500m² tôi tiếp tục canh tác.

Năm 2011, thì ông Lê Minh T và ông Lê Hoàng Trường S vào ngăn cản và cho rằng đất này là của gia đình ông T – ông S và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cho tôi tiếp tục canh tác nhằm chiếm đất. Sự việc xảy ra tranh chấp Ủy ban nhân dân xã V, huyện A tiến hành hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ông Võ Văn L1 khởi kiện yêu cầu: Xác định diện tích đất 2.500m² bị ông T, ông S chiếm dụng là quyền sử dụng đất của ông L1. Buộc ông T và ông S phải trả lại 2.500m² đất và bồi thường thiệt hại mỗi vụ lúa là 25 gia công tính từ vụ đông xuân 2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm;

Đến ngày 09/12/2021, ông Võ Văn L1 khởi kiện bổ sung yêu cầu:

Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 trả lại phần diện tích đất nông nghiệp với diện tích khoảng 2.500m². Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp với diện tích

khoảng 2.500m² mà ông đã bỏ công sức khai phá và sử dụng theo quy định của pháp luật. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01217pL cấp ngày 03/12/2008 có diện tích 18.181m² mang tên Lê Minh T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940 cấp ngày 17/11/1994 có diện tích 29.806m² mang tên Lê Minh T1.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:

Năm 1997, ông N có nhận chuyển nhượng của ông Lê Phước C phần đất 10.000m², sau khi nhận chuyển nhượng phần đất này ông bỏ công sức ra khai phá thêm đất hoang hóa để canh tác.

Năm 2006, ông Lê Phước C khởi kiện tại Tòa án huyện An Phú yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi tiến hành đo đạc thì phần diện tích đất lúc này là 13.000m². Tại các bản án sơ thẩm và phúc thẩm năm 2007 tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Buộc ông N trả lại cho ông C Phần đất 10.063,6m². bản án có hiệu lực đã được thi hành án xong thì tôi đã trả lại diện tích đất 10.063,6m² cho ông C. Phần diện tích đất còn lại khoảng 3.000m² tôi tiếp tục canh tác.

Năm 2010, ông Lê Minh T và ông Lê Hoàng Trường S vào ngăn cản và cho rằng đất này là của gia đình ông T, ông S và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cho tôi tiếp tục canh tác nhằm chiếm đất. Sự việc xảy ra tranh chấp Ủy ban nhân dân xã V, huyện A tiến hành hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ông Huỳnh Văn N khởi kiện yêu cầu: Xác định diện tích đất 3.000m² bị ông T, ông S chiếm dụng là quyền sử dụng đất của ông N. Buộc ông T và ông S phải trả lại 3.000m² đất và bồi thường thiệt hại mỗi vụ lúa là 25 gia công tính từ vụ đông xuân 2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm;

Ngày 09/12/2021, ông Huỳnh Văn N khởi kiện bổ sung yêu cầu:

Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 trả lại phần diện tích đất nông nghiệp với diện tích khoảng 3.000m² cho gia đình ông N. Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp với diện tích khoảng 3.000m² mà ông đã bỏ công sức khai phá và sử dụng theo quy định của pháp luật. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01217pL cấp ngày 03/12/2008 có diện tích 18.181m² mang tên Lê Minh T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940 cấp ngày 17/11/1994 có diện tích 29.806m² mang tên Lê Minh T1.

Nguyên đơn ông Võ Văn L trình bày:

Năm 1997, ông L có nhận chuyển nhượng của ông Lê Phước C phần đất 3.692,40m², sau khi nhận chuyển nhượng phần đất này tôi bỏ công sức ra khai phá thêm đất hoang hóa để canh tác.

Năm 2006 thì ông Lê Phước C khởi kiện tại Tòa án huyện An Phú yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi tiến hành đo đạc thì phần diện tích đất thực tế là 5.000m². Tại các bản án sơ thẩm và phúc thẩm năm 2007 tòa án

tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Buộc ông trả lại cho ông C diện tích đất 3.774,20m². Sau khi bản án có hiệu lực đã được thi hành án xong là ông đã trả lại diện tích đất 3.774,20m² cho ông C. Phần diện tích đất còn lại khoảng 1.500m² ông tiếp tục canh tác.

Năm 2011, ông Lê Minh T và ông Lê Hoàng Trường S vào ngăn cản và cho rằng đất này là của gia đình ông T, ông S và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cho ông tiếp tục canh tác nhằm chiếm đất. Sự việc xảy ra tranh chấp Ủy ban nhân dân xã V, huyện A đã tiến hành hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ông Võ Văn L khởi kiện yêu cầu: Xác định 1.500m² đất bị ông T, ông S chiếm dụng là quyền sử dụng đất của ông L. Buộc ông T và ông S phải trả lại 1500m² đất và bồi thường thiệt hại mỗi vụ lúa là 25 gia công tính từ vụ đông xuân 2011 cho đến ngày xét xử sơ thẩm;

Ngày 09/12/2021, ông Võ Văn L khởi kiện bổ sung yêu cầu:

Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 trả lại phần diện tích đất nông nghiệp với diện tích khoảng 1.500m² cho gia đình ông. Buộc ông Lê Minh T, Lê Minh T1 chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp với diện tích khoảng 1.500m² mà ông đã bỏ công sức khai phá và sử dụng theo quy định của pháp luật. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01217pL cấp ngày 03/12/2008 có diện tích 18.181m² mang tên Lê Minh T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940 cấp ngày 17/11/1994 có diện tích 29.806m² mang tên Lê Minh T1.

- Tại phiên họp hòa giải ngày 03/8/2023, các nguyên đơn do ông Huỳnh Văn N đại diện xác định như sau:

Ông N xác định không yêu cầu trả lại đất, không yêu cầu trả giá trị đất, không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ chỉ yêu cầu ông T trả thành quả lao động trên diện tích đất 3.000m² đất với giá 70.000đ/1.000m²; yêu cầu bồi thường thiệt hại mỗi năm là 2.500.000 đ/1.000m², tính đến nay là 13 năm thành tiền là 96.000.000 đồng.

Ông Đ, do ông N đại diện theo ủy quyền trình bày xác định: Không yêu cầu trả lại đất, không yêu cầu trả giá trị đất, không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ chỉ yêu cầu ông T trả thành quả lao động trên diện tích đất 5.500m² đất với giá 70.000đ/1.000m²; yêu cầu bồi thường thiệt hại mỗi năm là 2.500.000 đ/1.000m², tính đến nay là 13 năm thành tiền là 176.000.000 đồng

Ông L do ông N đại diện theo ủy quyền trình bày xác định: Không yêu cầu trả lại đất, không yêu cầu trả giá trị đất, không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ chỉ yêu cầu ông T trả thành quả lao động trên diện tích đất 1.358m² đất (qua đo đạc thực tế) với giá 70.000đ/1.000m²; yêu cầu bồi thường thiệt hại mỗi năm là 2.500.000 đ/1.000m², tính đến nay là 13 năm thành tiền là 48.000.000 đồng.

Ông L1 do ông N đại diện theo ủy quyền trình bày xác định: Không yêu

cầu trả lại đất, không yêu cầu trả giá trị đất, không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ chỉ yêu cầu ông T trả thành quả lao động trên diện tích đất 2.500m² đất với giá 70.000đ/1.000m²; yêu cầu bồi thường thiệt hại mỗi năm là 2.500.000 đ/1.000m², tính đến nay là 13 năm thành tiền là 80.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Lê Minh T trình bày:*

Đất tranh chấp là của cha ông (ông Lê Phước C) để lại, nên các ông N, ông Đ, ông L, ông L1 yêu cầu tôi trả đất thì không đồng ý. Phần đất ông N khởi kiện diện tích 3.000m² tôi không quản lý, sử dụng. Phần đất ông Đ khởi kiện diện tích 5.500m² hiện nay ông T1 đang quản lý, sử dụng hơn 1.900m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T1 đứng tên; phần còn lại tôi không quản lý, sử dụng. Diện tích đất ông L khởi kiện theo đo đạc thực tế là 1.358m² hiện nay do tôi đang quản lý, sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất ông L1 khởi kiện diện tích 2.500m² tôi đang quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên họp ngày 03/8/2023, ông T trình bày: Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông xác định diện tích đất đang tranh chấp với ông N, ông Đ, ông không có quản lý sử dụng. Đối với diện tích đất của ông L, ông L2 hiện ông T đang quản lý sử dụng diện tích đất này. Các bên chưa được cấp GCNQSDĐ. Đối với diện tích đất 1358m² theo đo đạc thực tế của ông L, hiện ông T đang quản lý sử dụng diện tích đất này. Các bên chưa được cấp GCNQSDĐ.

- *Bị đơn ông Lê Hoàng Trường S trình bày:* Thống nhất như trình bày của ông Lê Minh T, không có ý kiến khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T1 trình bày:* Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp ông T1 xác định diện tích đất đang tranh chấp với ông N, ông L, ông L1, ông không có quản lý sử dụng. Đối với diện tích đất đang tranh chấp của ông Đ với ông thì có 1900m² đất của ông Đ nằm trong GCNQSDĐ đã cấp cho ông T1 đứng tên.

Tại phiên tòa:

Các nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu trả lại đất; không yêu cầu trả giá trị đất; không yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất; không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ; không yêu cầu bồi thường thiệt hại; chỉ yêu cầu ông Lê Minh T trả thành quả lao động, cụ thể: Trả ông N 96.000.000 đồng; trả cho ông Đ 176.000.000 đồng; trả cho ông L 48.000.000 đồng; trả cho ông L1 80.000.000 đồng.

Ông T, ông S không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án và quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đối với yêu cầu trả thành quả lao động của các nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Về chi phí tố tụng và án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện các ông Võ Văn L, Võ Văn Đ, Võ Văn L1 và ông Huỳnh Văn N, yêu cầu các ông Lê Minh T, Lê Hoàng Trường S và Lê Minh T1 trả lại diện tích đất lấn chiếm và nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Lê Minh T, ông Lê Minh T1. Tòa án nhân dân huyện An Phú xác định nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Theo phiên họp hòa giải ngày 03/8/2023 và tại phiên tòa các nguyên đơn xác định không yêu cầu trả lại đất, không yêu cầu trả giá trị đất, không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ, không yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Chỉ yêu cầu ông Lê Minh T trả thành quả lao động. Căn cứ Công văn 79/TANDTC-PC ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến số 64/TANDTC-PC thì vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết thì tiếp tục giải quyết vụ án.

[1.3]. Về việc vắng mặt của đương sự trong vụ án: Ủy ban nhân dân huyện A do bà Nguyễn Thị N1 là người đại diện theo ủy quyền có văn bản xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện gồm: Không yêu cầu trả lại đất, không yêu cầu trả giá trị đất, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ, không yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[2.2]. Nguyên đơn xác định nguồn gốc đất là của ông Lê Phước C cho các ông vào khai thác để sử dụng từ những năm 1985. Năm 1997 ông Lê Phước C thương lượng thỏa thuận với các ông là diện tích các ông khai phá sẽ chuyển nhượng cho các ông để tiếp tục canh tác và hai bên đi đến thống nhất về việc chuyển nhượng đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì xảy ra tranh chấp. Theo Bản án số 411/2007 ngày 24/7/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã xét xử thì ông Huỳnh Văn N phải trả lại cho ông Lê Phước C 10.063,3m² đất nông nghiệp; ông Võ Văn Đ phải trả lại cho ông Lê Phước C 4.083,6m² đất nông nghiệp; ông Võ Văn L phải trả lại cho ông Lê Phước C 3.692,4m² đất nông nghiệp; ông Võ Văn L1 phải trả lại cho ông Lê Phước C 3.774,2m² đất nông nghiệp. Theo bản đồ hiện trạng đất tranh chấp ngày 26/6/2007 do Trung tâm K - Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh A lập.

Ông Lê Phước C có trách nhiệm hoàn trả lại cho các ông Huỳnh Văn N 87,5 chỉ vàng 24k; ông Võ Văn Đ 38,57 chỉ vàng 24k; ông Võ Văn L 22,61 chỉ vàng 24k; ông Võ Văn L1 20,07 chỉ vàng 24k. Bản án phúc thẩm đã được hai bên Thi hành án xong.

Nhưng các ông N, ông Đ, ông L, ông L1 cho rằng các ông sử dụng diện tích đất nhiều hơn so với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Cụ thể sau khi thi hành án xong theo bản án thì đất ông N còn lại khoảng 3.000m²; ông Đ còn lại khoảng 5.500m²; ông L còn lại khoảng 1.358m²; ông L2 còn lại khoảng 2.500m². Các phần đất này các ông tiếp tục sử dụng.

[2.3]. Năm 2010, ông Lê Minh T, Lê Hoàng Trường S, Lê Minh T1 vào chiếm đất mà các ông đang sử dụng. Các ông khởi kiện yêu cầu ông T, ông S, ông T1 phải trả lại đất lấn chiếm, bồi thường thiệt hại và hủy giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND huyện A cấp cho ông T, ông T1. Tuy nhiên tại phiên họp hòa giải ngày 03/8/2023 các nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu, chỉ buộc bị đơn là ông T phải trả thành quả lao động và bồi thường thiệt hại, cụ thể:

Ông T trả thành quả lao động cho ông N là 210.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 96.000.000 đồng.

Ông T trả thành quả lao động cho ông Đ 385.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 176.000.000 đồng.

Ông T trả thành quả lao động cho L 95.060.000 đồng và bồi thường thiệt hại 48.000.000 đồng.

Ông T trả thành quả lao động cho ông L1 175.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 80.000.000 đồng.

[2.4]. Tại phiên tòa ông N đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, bao gồm: Ông Đ, ông L, ông L1 chỉ yêu cầu ông Lê Minh T trả thành quả lao động, vì. Diện tích các ông đang tranh chấp hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn N trình bày các nguyên đơn có trao đổi thống nhất và xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Lê

Phước C (cha ông T, ông T1) các nguyên đơn chỉ có công khai phá nên chỉ yêu cầu phía bị đơn nghĩ đến công sức cực khổ khai phá để trả thành quả lao động cho các nguyên đơn, cụ thể: Trả ông N 96.000.000 đồng; trả cho ông Đ 176.000.000 đồng; trả cho ông L 48.000.000 đồng; trả cho ông L1 80.000.000 đồng.

Xét thấy theo Bản đồ hiện trạng ngày 18/9/2017 của Văn phòng Đ1 Chi nhánh A thì diện tích đất của ông N là 4570m² (chênh lệch dư 1.570 m²); của ông L1 là 3.639m² (chênh lệch dư 1.139m²); của ông L 1.258m² (chênh lệch thiếu 242m²); của ông Đ là 5.755m² (chênh lệch dư 255m²) so với đơn khởi kiện. Nhưng các nguyên đơn yêu cầu tính diện tích đất tranh chấp theo đơn khởi kiện để trả thành quả lao động.

[2.5]. Tòa án đã ban hành Thông báo số 811/TB-TA ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện cho ông Huỳnh Văn N, Võ Văn Đ, Võ Văn L, Võ Văn L1 nhưng các ông chỉ có ý kiến là không yêu cầu Tòa án đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá diện tích đất. Ngày 08/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ban hành Thông báo số 1007/TB-TA về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện cho ông Huỳnh Văn N, Võ Văn Đ, Võ Văn L, Võ Văn L1 về chứng cứ tính thành quả lao động và chứng cứ bồi thường thiệt hại, Tòa án đã tổng đạt Thông báo trên đến các đương sự nhưng các ông không có ý kiến trả lời.

[2.6]. Qua phân hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Phước C. Ngày 31/7/1997 ông Lê Phước C làm tờ giao kèo sang nhượng đất nông nghiệp với ông Huỳnh Văn N, Võ Văn Đ, Võ Văn L, Võ Văn L1, việc chuyển nhượng hai bên xảy ra tranh chấp đã được Tòa án nhân dân huyện An Phú và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử. Tại Bản án số 411/2007 ngày 24/7/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu nên tài sản của ai thì người đó lấy về và Tòa án có xem xét giá trị đất tại thời điểm xét xử để buộc ông Lê Phước C trả lại số vàng cho các nguyên đơn là đã đảm bảo quyền lợi của các nguyên đơn.

[2.7]. Nhận thấy việc chuyển nhượng diện tích đất của các nguyên đơn với ông Lê Phước C đã được giải quyết xong. Nhưng nguyên đơn cho rằng sau khi chuyển nhượng phía nguyên đơn có khai phá thêm đất của ông Lê Phước C để sử dụng, cho thấy diện tích đất khai phá thêm (nếu có) cũng của ông Lê Phước C (chủ đất chuyển nhượng). Hơn nữa theo bản đồ hiện trạng đất tranh chấp ngày 26/6/2007 do Trung tâm K- Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh A lập thì không thể hiện đất dư của các nguyên đơn tranh chấp.

[3]. Tại phiên tòa, ông N cho rằng khi khai phá đất chỉ làm thủ công, khai phá tới đâu, sử dụng đến đó chứ không có sử dụng cơ giới nên không tính được công khai phá của mỗi người là bao nhiêu ngày công nên không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Xét về độ tuổi thì thời điểm năm 1985, ông N 22 tuổi; ông Đ 18 tuổi; ông L 14 tuổi và ông L1 13 tuổi.

Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho các nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nhưng các nguyên đơn không cung cấp và tại phiên tòa nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, mà chỉ yêu cầu ông Lê Minh T xem xét công cực khổ của các nguyên đơn trong việc khai phá đất để trả thành quả lao động.

[4]. Từ những căn cứ trên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn buộc ông Lê Minh T trả thành quả lao động. Do đó Hội đồng xét xử đồng ý với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu ông Lê Minh T trả thành quả lao động.

[5]. Về chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Văn N phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 2.646.900 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.846.900 đồng), ông N đã nộp đủ.

Ông Võ Văn Đ phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 2.646.900 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.846.900 đồng), ông Đ đã nộp đủ.

Ông Võ Văn L phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 1.996.800 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.196.800 đồng), ông L đã nộp đủ.

Ông Võ Văn L1 phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 2.646.900 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.846.900 đồng), ông L1 đã nộp đủ.

[6]. Về án phí: Các nguyên đơn Huỳnh Văn N, Võ Văn Đ, Võ Văn L, Võ Văn L1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 147, 157, 227, 271, 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Đình chỉ 01 (một) phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Huỳnh Văn N, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L3, ông Võ Văn L1 đối với yêu cầu ông Lê Minh T, Lê Hoàng Trường S và Lê Minh T1 trả lại diện tích đất 3000m², 5.500m², 1.500m², 2.500m²; trả giá trị QSD đất; yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất 3000m², 5.500m², 1.500m² và 2.500m²; yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số H01217pL có diện tích 18.181m² do ông Lê Minh T đứng tên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940.QSDĐ/pL cấp ngày 17/11/1994 diện tích 29.806m²

do ông Lê Minh T1 đứng tên; yêu cầu bồi thường thiệt hại 13 năm không canh tác được cho ông Huỳnh Văn N với số tiền 96.000.000 đồng; yêu cầu bồi thường thiệt hại 13 năm không canh tác được cho ông Võ Văn Đ với số tiền 176.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại 13 năm không canh tác được cho ông Võ Văn L với số tiền 48.000.000 đồng; yêu cầu bồi thường thiệt hại 13 năm không canh tác được cho ông Võ Văn L1 với số tiền 80.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần khởi kiện của ông Huỳnh Văn N yêu cầu ông Lê Minh T trả thành quả lao động số tiền 96.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần khởi kiện của ông Võ Văn Đ yêu cầu ông Lê Minh t1 thành quả lao động 176.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần khởi kiện của ông Võ Văn L yêu cầu ông Lê Minh T trả thành quả lao động 48.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần khởi kiện của ông Võ Văn L1 yêu cầu ông Lê Minh T trả thành quả lao động 80.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Văn N phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 2.646.900 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.846.900 đồng), ông N đã nộp đủ.

Ông Võ Văn Đ phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 2.646.900 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.846.900 đồng), ông Đ đã nộp đủ.

Ông Võ Văn L phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 1.996.800 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.196.800 đồng), ông L đã nộp đủ.

Ông Võ Văn L1 phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là: 2.646.900 đồng (trong đó: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng và chi phí đo đạc là 1.846.900 đồng), ông L1 đã nộp đủ.

Về án phí:

Ông Huỳnh Văn N phải chịu 4.800.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm nộp án phí 1.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0005727 ngày 03/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, số tiền ông N còn phải nộp thêm là 3.300.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

Ông Võ Văn Đ phải chịu 8.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0005725 ngày 03/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, số tiền ông Đ còn phải nộp thêm là 6.300.000 đồng (bằng chữ: Sáu triệu, ba trăm nghìn đồng).

Ông Võ Văn L phải chịu 2.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 750.000 đồng, theo biên lai thu số 0005726

ngày 03/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, số tiền ông L còn phải nộp thêm là 1.650.000 đồng (bằng chữ: Một triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn đồng).

Ông Võ Văn L1 phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí số tiền đã nộp là 1.300.000 đồng, theo biên lai thu số 0005728 ngày 03/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, số tiền ông L1 còn phải nộp thêm là 2.700.000 đồng (bằng chữ: Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại TP . Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu